

HOÀNG THỊ THU HƯƠNG

MODULE MN

44

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG
GIÁO DỤC MẦM NON**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Luật Người khuyết tật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, theo đó, mọi trẻ khuyết tật có quyền được đi học. Hằng năm, Vụ Giáo dục Mầm non đều có hướng dẫn thực hiện năm học, trong đó có nội dung giáo dục hòa nhập. Cụ thể: huy động trẻ khuyết tật tới trường, thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, tiến hành thực hiện giáo dục hòa nhập và chuyển tiếp lên cấp Tiểu học. Thực hiện giáo dục hòa nhập không chỉ đem lại lợi ích và quyền được đi học của trẻ khuyết tật mà còn đem lại lợi ích cho tất cả trẻ em, bởi giáo viên phải tìm hiểu trẻ sâu sắc, phải áp dụng những phương pháp cá biệt để giúp trẻ tiếp thu những tri thức mới, rèn luyện những kỹ năng xã hội. Điều này tạo cơ hội, điều kiện cho giáo viên trưởng thành hơn về nghiệp vụ sư phạm và vững vàng hơn trong chuyên môn. Giáo dục hòa nhập cũng tạo ra môi trường đầm ấm, rèn luyện tình yêu thương, sẻ chia đối với trẻ em.

Tài liệu này sẽ trang bị cho giáo viên những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập đồng thời gợi ý một số yếu tố cơ bản khi tiến hành giáo dục hòa nhập trong trường, lớp mầm non có trẻ khuyết tật theo học.



B. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Sau khi học xong module này, người học có khả năng:

- Phân tích được các khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập;
- Phân tích được các yếu tố của giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về kiến thức

- Nêu được các đặc điểm của trẻ thuộc các dạng thông dụng: khuyết tật trí tuệ, khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật ngôn ngữ.
- Phân tích được các khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập, các yếu tố của giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.
- Nêu được cách thức tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trong trường mầm non.

2. Về kĩ năng

- Xác định được trẻ khuyết tật và những khó khăn của trẻ.
- Tổ chức môi trường và các hoạt động giáo dục hòa nhập phù hợp với năng lực của trẻ khuyết tật.

3. Về thái độ

Tích cực tìm hiểu và vận dụng kiến thức kĩ năng vào tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.



C. NỘI DUNG

TT	Nội dung
1	Tìm hiểu trẻ khuyết tật, các dấu hiệu nhận diện khuyết tật ở trẻ em.
2	Giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.
3	Tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trong trường mầm non.

Nội dung 1

TÌM HIỂU TRẺ KHUYẾT TẬT, CÁC DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TRẺ KHUYẾT TẬT

Hoạt động. Tìm hiểu khái niệm trẻ khuyết tật, các biểu hiện khuyết tật ở trẻ em

1. Câu hỏi

Câu 1. Thế nào là trẻ khuyết tật?

Câu 2. Trình bày các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ em. Trình bày các dấu hiệu biểu hiện khuyết tật ở trẻ em.

2. Thông tin phản hồi

- * **Câu 1: Khái niệm về trẻ khuyết tật:**
 - Trẻ khuyết tật là trẻ bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến cho các hoạt động và sinh hoạt hằng ngày gặp khó khăn.

- Trẻ khuyết tật được chia theo mức độ khuyết tật sau đây:
 - + Khuyết tật đặc biệt nặng, là trẻ do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hằng ngày;
 - + Khuyết tật nặng, là trẻ do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hằng ngày;
 - + Khuyết tật nhẹ, là trẻ khuyết tật không thuộc hai trường hợp trên.
- Theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới, có ba mức độ suy giảm là: khiếm khuyết, khuyết tật và tàn tật:
 - + Khiếm khuyết chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc/và sinh lý.
 - + Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết.
 - + Tàn tật đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ (WHO, 1999).
- Theo quan điểm của Tổ chức Quốc tế người khuyết tật, người khuyết tật trở thành *tàn tật* là do *thiếu cơ hội* để tham gia các hoạt động xã hội và có một cuộc sống giống như thành viên khác (DPI, 1982). Do vậy, khuyết tật là một hiện tượng phức tạp, phản ánh sự tương tác giữa các tính năng cơ thể và các tính năng xã hội mà trong đó người khuyết tật sống.
- * Câu 2: Các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ em và dấu hiệu để nhận diện.

Trẻ khuyết tật thường được phân thành các nhóm sau: trẻ khiếm thính, trẻ khiếm thị, trẻ chậm phát triển trí tuệ hay trẻ khó khăn về học, trẻ khuyết tật vận động hay trẻ khó khăn về vận động, trẻ khó khăn về ngôn ngữ, trẻ đa tật (trẻ có hai hoặc nhiều khuyết tật) và trẻ có các dạng khuyết tật khác. Sau đây chỉ đề cập 6 dạng khuyết tật ở trẻ mầm non.

 - Trẻ khiếm thính:
 - + Khái niệm: Trẻ khiếm thính là trẻ bị khó khăn về nghe, bị suy giảm hay mất khả năng nghe dẫn đến chậm phát triển ngôn ngữ, hạn chế chức năng giao tiếp, trường hợp nặng hơn trẻ không nói được.
 - + Dấu hiệu nhận diện:
 - Trẻ không hướng về nơi có phát ra tiếng động.
 - Trẻ không trả lời khi người khác gọi.

- Trẻ thường chú ý nhìn môi của người khác khi nghe hoặc khi học nói: trẻ nói rất to hoặc không nói được (câm).
- + Các biểu hiện theo mốc thời gian để có thể xác định trẻ bị khiếm thính như sau:

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
Sau khi sinh đến 3 tháng	– Không bị giật mình hay tỉnh giấc khi có tiếng động to gần trẻ. – Không biết hóng chuyện và âu ơ bất chước, không phản ứng với tiếng xúc xắc lắc di chuyển.
3 – 6 tháng	– Không quay đầu tìm nguồn phát ra tiếng nói của người xung quanh. – Không quay đầu khi được gọi tên.
9 – 12 tháng	– Chỉ “nghe” một người mà không biết nghe những người khác. – Tách mình ra khỏi cuộc sống, không nghe và không biết làm theo bạn và người khác.
18 – 24 tháng	– Ít nói hoặc chậm biết nói. – Không hiểu ngôn ngữ lời nói và không làm theo được 2 yêu cầu của cha mẹ và người thân, cô giáo...
30 – 48 tháng	– Không nghe và hiểu được lời nói, không nhắc lại chuyện kể ngắn. – Nói thầm cách xa 0,5m không để trẻ nhìn miệng, trẻ không nhắc lại được các từ đã nói thầm.
60 tháng	– Không hiểu các câu chuyện trong gia đình; nghe được rất ít, phải nhắc đi nhắc lại trẻ mới nghe thấy, thường nhìn miệng mới nhận ra được lời nói. – Khó khăn trong giao tiếp, không thể diễn đạt được câu và mẫu chuyện phù hợp với ngữ cảnh; hoặc có thể nói to, lặc lợng...

- Trẻ khiếm thị:
- + Khái niệm:
- Trẻ khiếm thị là trẻ có khuyết tật thị giác, sau khi đã có các phương tiện trợ giúp tối đa vẫn gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động cần sử dụng mắt.

- Trẻ khiếm thị bị suy giảm khả năng nhìn (nhìn kém) hoặc mất khả năng nhìn (mù).

+ Dấu hiệu nhận diện:

- Trẻ bé không quay đầu nhìn theo đồ vật, không vói tay theo đồ vật, mắt không bình thường (có thể mù).
- Trẻ không có khả năng tìm các vật nhỏ, mặc dù những vật này trẻ được nhìn thấy nhiều lần.
- Trẻ thường va chạm các đồ vật khi phải đi vòng quanh chúng, ôm đầu khi cố tìm hoặc nhìn vật gì đó.
- Trẻ đi lại phải lần sờ và hay va chạm vào đồ vật xung quanh, tìm kiếm đồ chơi, đồ vật khô khăn.
- Trẻ không có sự tiếp xúc bằng mắt, mắt nhìn lơ đãng.
- Trẻ phải điều chỉnh, nghiêng đầu, xoay cổ hoặc cố định một bên mặt để nhìn bằng mắt còn lại.
- Trẻ vói tay không chính xác khi vói lấy các đồ vật.
- Hai mắt chuyển động không đồng đều hay một mắt di chuyển.
- Mắt chuyển động ngang hay thẳng đứng quá nhanh (rung giật nhãn cầu).
- Không có đồng tử mắt trong veo, đen (giác mạc bị mờ, con ngươi trắng, hai mắt có tròng đỏ nhiều, hiện tượng phản sáng khi chụp ảnh có đèn flash).
- Thường xuyên ướt nước mắt khi trẻ không khóc do tắc lệ đạo.
- Có phản ứng không thoải mái với ánh sáng mạnh (chứng sợ sáng).
- Kết mạc của mắt thường xuyên bị đỏ.
- Hình dáng, cỡ và cấu tạo mắt bất thường rõ rệt.
- Trẻ bị khuyết tật thị giác ít nhiều cũng sẽ có ảnh hưởng đến tư duy bị chậm do thiếu các hình mẫu giúp trẻ tư duy trực quan trong quá trình hình thành các khái niệm.

Nếu được phát hiện và khắc phục sớm các biểu hiện của tật khiếm thị chúng ta sẽ giúp trẻ tránh được chậm phát triển tư duy rất nhiều.

– Trẻ khuyết tật trí tuệ:

- + Khái niệm: Trẻ khuyết tật trí tuệ là trẻ có những hạn chế lớn về khả năng thực hiện các chức năng. Đặc điểm của tật là:
- Hoạt động trí tuệ dưới mức trung bình.

- Hạn chế về hai hoặc nhiều hơn những lĩnh vực hành vi thích ứng như: giao tiếp, tự phục vụ, sống tại gia đình, xã hội, sử dụng các tiện ích công cộng, tự định hướng, kĩ năng học tập, giải trí, lao động, sức khỏe và an toàn.

- Xuất hiện tật trước 18 tuổi.

+ Dấu hiệu nhận biết:

- Trẻ 1 tuổi không biết tên mình.
- Trẻ 3 tuổi không nhận ra hoặc chỉ các bộ phận của mặt và cơ thể.
- Trẻ 4 tuổi không hiểu được những câu đơn giản.
- Trẻ 5 tuổi không nghe hiểu những câu chuyện đơn giản.
- Trẻ hiểu biết khó khăn hơn so với trẻ cùng độ tuổi...
- Có hình thể không cân đối, ánh mắt và nét mặt thờ ơ...
- Chậm biết ngẩng đầu và cử động tay chân, mặt tròn mắt xếch, vãn tay chữ nhất nằm ngang, lưỡi dày, lưỡi đùn (hội chứng Down do rối loạn nhiễm sắc thể của gen).
- Phản ứng chậm với kích thích bên ngoài.
- Khả năng phối hợp tay – mắt kém.
- Tránh giao tiếp bằng mắt.
- Tiếp thu chậm lại mau quên (nhớ chậm quên nhanh).
- Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói: chậm hoặc hoàn toàn không có, trẻ nào nói được thì chỉ sử dụng ở mức độ hết sức hạn chế, nói không rõ, không thích hợp.
- Biểu hiện cảm xúc/tình cảm phức tạp.
- Tự thu mình lại, nói rất ít, tách biệt khỏi bạn bè, không thích tham gia vào các hoạt động tập thể, luôn luôn sợ thất bại, tâm trạng rất phức tạp...
- Chống đối gây sự chú ý của người khác, khó kiểm chế phản ứng, không thể tuân theo quy tắc chơi/học tập, quấy rối trong lớp học, dễ bị sao nhãng bởi kích thích bên ngoài, tự làm tổn thương bản thân, gây đau đớn cho người khác, hành vi rập khuôn máy móc...

Khi thấy trẻ có các biểu hiện trên cần đưa trẻ đi khám để được tư vấn và can thiệp sớm.

- Trẻ khuyết tật vận động:
- + Khái niệm: Trẻ khuyết tật vận động là trẻ khó khăn về vận động. Đó là những trẻ bị tổn thương các cơ quan vận động tay, chân, hoặc cột sống... gây khó khăn về cầm nắm, nằm, ngồi, đi, đứng và di chuyển.
- + Dấu hiệu nhận diện:
 - Trẻ 10 tháng tuổi không tự ngồi một mình, trẻ 2 tuổi không có khả năng tự đi một mình, trẻ 4 tuổi không có khả năng tự cân bằng trên 1 chân trong một thời gian ngắn, trẻ vận động khó khăn hơn so với trẻ cùng tuổi.
 - Dựa vào các mốc phát triển vận động của trẻ, có thể phát hiện sớm trẻ khuyết tật vận động nếu trẻ có những biểu hiện như sau:

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
1 tháng	Đặt nằm ngửa mà trẻ không có cử động chân, không co đạp, nâng chân, đưa chân lên trên.
2 tháng	Không thể ngẩng, cất đầu khi đặt nằm sấp.
3 tháng	Không giữ đầu tự ngẩng khi bé ngồi.
4 tháng	Không thể ngồi thẳng khi được đặt tựa lưng và đầu ngẩng thẳng.
5 tháng	Không biết đạp mạnh tay, chân trong bồn nước khi tắm.
6 tháng	Không đưa tay với ra trước, đặt nằm trẻ không tự lật ngược.
7 tháng	Không biết ngồi, đứng một lúc khi không có người đỡ, đứng trên hai chân không vững khi được đỡ.
8 tháng	Không thể bước đi khi được giữ ở tư thế đứng.
10 tháng	Không thể tựa vào bàn ghế để bước đi với sự giúp đỡ của người lớn.
12 tháng	Không thể tự đứng một mình và bò bằng hai tay, hai chân.
13 tháng	Không tự mình đứng lên và đi vài bước xiêu vẹo.
15 tháng	Không thể tự mình đi xiêu vẹo vài bước và treo cầu thang.
18 tháng	Không thể tự đi một cách vững vàng, ném được bóng, cúi nhặt bóng mà không ngã.

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
21 tháng	Không thể tự trèo lên ghế, không thể bước lên cầu thang.
24 tháng	Không thể tự lên xuống cầu thang từng bậc bằng hai chân và chạy vững.
33 tháng	Không thể tự nhảy chụm chân, đi nhón trên đầu bàn chân.
48 tháng	Không thể chạy theo và dùng chân đá bóng, chạy trên đầu ngón chân và trèo lên xe ba bánh.
54 tháng	Không tự lên xuống cầu thang bằng hai chân đối nhau ở mỗi bậc.
60 tháng	Không thể đập nảy bóng, nhảy lò cò, lên xuống cầu thang dễ dàng.

Khi thấy trẻ có những dấu hiệu như trên, giáo viên và gia đình cần cho trẻ đi khám và can thiệp sớm cho trẻ.

– Trẻ khuyết tật ngôn ngữ:

+ Khái niệm:

Trẻ khuyết tật ngôn ngữ là trẻ bị tổn thương cơ quan tiếp nhận, chỉ huy ngôn ngữ và các bộ phận của cơ quan phát âm làm cho trẻ nói khó khăn hoặc mất khả năng nói (câm).

+ Dấu hiệu nhận biết:

- Không quay đầu theo âm thanh.
- Không mỉm cười với người khác lúc 3 tháng tuổi.
- Không bập bẹ lúc 9 tháng tuổi.
- Không chỉ ngón tay đồ vật mà trẻ quan tâm lúc 12 tháng tuổi.
- Không nói được từ đơn lúc 16 tháng.
- Trẻ 18 tháng không nói được tiếng mẹ.
- Trẻ 2 tuổi không gọi được tên người thân cha mẹ anh em.
- Trẻ 3 tuổi không nhắc lại được câu đơn giản.
- Trẻ 4 tuổi không nói được câu đủ nghĩa.
- Trẻ 5 tuổi không tiếp xúc và nói chuyện được với người ngoài gia đình.

Dựa vào các mốc phát triển ngôn ngữ theo độ tuổi hoặc khi trẻ có các dấu hiệu sau đây để phát hiện sớm trẻ khuyết tật ngôn ngữ:

Tháng tuổi của trẻ	Biểu hiện
0 – 1 tháng	Giật mình với tiếng động, biết lắng nghe giọng nói của người chăm sóc.
2 – 3 tháng	Phát ra tiếng gừ gừ, vài âm thanh kiểu nguyên âm, đáp trả giọng nói và bập bẹ.
4 – 6 tháng	Bập bẹ thành tràng, bắt chước vài âm thanh, nhiều kiểu lên giọng và nói to.
7 – 9 tháng	Hiểu một vài từ và yêu cầu đơn giản, bắt chước vài âm thanh có thể nói “ma ma” “ba ba”.
10 – 12 tháng	Hiểu ý nghĩa của “không”, đáp trả vài yêu cầu, quay lại khi được gọi tên, nói được vài từ đơn.
13 – 15 tháng	Nói được 5 – 10 từ, chủ yếu là danh từ, chỉ đúng người và vật khi được yêu cầu.
16 – 18 tháng	Làm theo vài mệnh lệnh đơn giản, nói câu 2 từ, ví dụ: “Đi chơi”. Biết trả lời “Mẹ đâu?” (chỉ vào Mẹ). “Áo đẹp của ai?” (“Của con”).
24 – 30 tháng	Trả lời vài câu hỏi “có”, “không” (ví dụ: “Con có ăn nữa không?” – “Không”). Gọi tên những đồ vật quen thuộc hằng ngày, nói những câu chưa hoàn chỉnh.
36 – 48 tháng	Nói câu 3 – 4 từ, đặt vài dạng câu hỏi, dùng thể phủ định không thể và không làm được, hiểu từ tại sao? Ai? Và bao nhiêu? Ví dụ: Trả lời câu hỏi “Ba con đâu?” (Ba đi làm). Hỏi: “Mẹ làm gì đó?”.
48 – 60 tháng	Nói câu hoàn chỉnh, bắt đầu kể chuyện dài hơn. Ví dụ: Ở trường, con chơi xích đu với bạn. Hôm nay, con được ăn bánh sinh nhật bạn Lan!

- Trẻ tự kỷ:
- + Khái niệm: Tự kỷ là một hội chứng rối loạn phát triển chung và các hành vi, biểu hiện trước 30 tháng tuổi với những nét chủ yếu sau:
 - Rối loạn tốc độ và trình tự phát triển.